TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I

MÔN TOÁN – KHỐI 3

PHIẾU SỐ 38

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số 193, chữ số 1 có giá trị là:

A. 100 **B.** 193 **C.** 10 **D.** 1

Câu 2. Kết quả của phép nhân 8 × 3 là:

A. 32 **B.** 24 **C.** 11 **D.** 21

Câu 3. Số lớn là 36, số bé là 4. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 9 lần **B.** 10 lần **C.** 40 lần **D.** 32 lần

Câu 4. Một phần chín (1/9) của 27 cm là:

A. 3 cm **B.** 18 cm **C.** 5 cm **D.** 243 cm

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 3 kg = …… g

A. 30 **B.** 3000 **C.** 30000 **D.** 300

Câu 6. Trong hình bên, đường kính AB dài 14 cm. Bán kính IC dài:

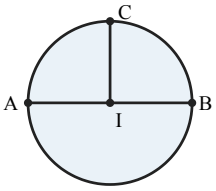

A. 28 cm **B.** 7 cm **C.** 8 cm **D.** 14 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức:

a) 108 + 61 × 2 = ……

b) 123 − 18 : 2 = ……

c) (76 + 47) × 3 = ……

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 9 trăm, 4 chục, 5 đơn vị viết là: ……

b) Số lớn nhất trong các số 412, 844, 917, 795, 748 là: ……

c) Số bé nhất trong các số trên là: ……

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: ……

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Gấp 18 lên 2 lần: ……

b) Giảm 16 đi 2 lần: ……

c) 47 thêm 9 đơn vị: ……

d) Gấp 47 lên 9 lần: ……

Bài 4. Tính:

a) 401 g + 285 g = …… g

b) 840 ml − 154 ml = …… ml

c) 159 mm × 3 = …… mm

d) 135 kg : 9 = …… kg

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 4 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 14 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 24 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Bài 6. Đoạn dây thứ nhất dài 40 cm. Đoạn dây thứ hai dài bằng 1/4 đoạn dây thứ nhất. Hỏi cả hai đoạn dây dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

a) Đoạn dây thứ hai dài: …… cm

b) Cả hai đoạn dài: …… cm

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 38

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	A	A	B	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) $108 + 61 \times 2 = 108 + 122 = 230$

b) $123 - 18 : 2 = 123 - 9 = 114$

c) $(76 + 47) \times 3 = 123 \times 3 = 369$

Bài 2.

a) 945

b) Số lớn nhất là 917

c) Số bé nhất là 412

d) $917 + 1 = 918$

Bài 3.

a) $18 \times 2 = 36$

b) $16 : 2 = 8$

c) $47 + 9 = 56$

d) $47 \times 9 = 423$

Thêm một số đơn vị thì cộng, gấp lên nhiều lần thì nhân, giảm đi nhiều lần thì chia.

Bài 4.

a) 686 g

b) 686 ml

c) 477 mm

d) 15 kg

Bài 5.

a) $4 \times 2 = 8$ (cm)

b) $14 : 2 = 7$ (dm)

c) $24 : 2 = 12$ (mm)

Bài 6.

Đoạn thứ hai: $40 : 4 = 10$ (cm)

Cả hai đoạn: $40 + 10 = 50$ (cm)